

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày 03 - 01 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Đắc Dương

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2022/TLPT- DS, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ số C5/6E, tổ 7, ấp 3, đường N, xã V, huyện B, Thành phố H (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị T: Ông Lê Kim K, sinh năm 1967; địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020, có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phùng Thị Thu P, sinh năm 1966; địa chỉ số 54, đường D, khóm 1, phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phùng Thị Thu P là bị đơn trong vụ án (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và lời khai của ông Lê Kim K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do có sự quen biết, nên chị Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà Phùng Thị Thu P và ông Võ Tiến S vay 02 lần tiền cụ thể như sau:

- Ngày 01/7/2019 chị T cho bà P, ông S vay 20.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, hạn trả nợ ngày 01/9/2019, không tính lãi, mục đích vay tiền để bà P mua bán gà. Lần vay tiền này bà P và ông S có viết biên nhận cho chị T.

- Ngày 16/02/2020 chị T cho bà P vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày (hạn trả nợ ngày 01/3/2020), không thỏa thuận lãi suất, mục đích bà P vay tiền là để làm ăn kinh doanh, bà P có viết biên nhận cho chị T.

Đến hạn trả nợ, bà P không thực hiện theo thỏa thuận, chị T nhiều lần liên hệ yêu cầu bà P thanh toán nhưng bà P không trả và bán nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh về Trà Vinh sinh sống cho đến nay. Do ông Võ Tấn S không thừa nhận cùng bà P vay tiền của chị T, nên chị T yêu cầu bà Phùng Thị Thu P có trách nhiệm trả số tiền đã vay 02 lần bằng 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày đến hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (số tiền 20.000.000 đồng tính lãi từ ngày 02/9/2019, số tiền 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 03/3/2020).

** Bị đơn bà Phùng Thị Thu P trình bày:*

Từ trước đến nay bà không có bất kỳ giao dịch làm ăn gì với chị Nguyễn Thị T. Bà biết chị T qua việc chị T hành nghề xem bói toán để cúng kiến giải hạn cho gia đình bà. Bà thừa nhận còn nợ chị T số tiền để làm đồ cúng là 150.000.000 đồng, bà đã góp cho chị T hàng ngày với tổng số tiền 73.200.000 đồng, đưa cho chị T số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bà không có gì chứng minh việc bà đã trả tiền cho chị T. Bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Đối với các biên nhận mà chị T đã cung cấp cho Tòa án, bà thừa nhận chữ ký là của bà, nhưng bà không thừa nhận có vay tiền của chị T. Việc bà ký tên vào các biên nhận nợ là do bị chị T ép buộc. Bà khẳng định không có vay tiền của chị T nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phùng Thị Thu P phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vay vốn gốc là 70.000.000 đồng và 15.855.766 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi 85.855.766 đồng. Bà Phùng Thị Thu P phải chịu 4.292.788 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phùng Thị Thu P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Kim K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Phùng Thị Thu P thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án

cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên: Bà P cho rằng không có nợ tiền vay của chị T, nhưng bà P thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 01/7/2019 và biên nhận ngày 16/02/2020 do chị T cung cấp là của bà. Bà P trình bày lý do bà ký vào 02 biên nhận nợ là do phía chị T ép buộc, nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ vay 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P. Về phần án phí: Do bà P bị bệnh được được Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc trợ cấp xã hội đối với người bị khuyết tật nặng, bà P có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà P, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị Thu P trả tiền vay, không yêu cầu ông Võ Tiến S là chồng của bà P cùng trả nợ; hồ sơ vụ án thể hiện ông Võ Tiến S không tham gia vào việc vay nợ, không biết bà P có giao dịch tiền với chị T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng bản chất vụ án, xác định tư cách đương sự và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Đơn kháng cáo của bà Phùng Thị Thu P còn trong hạn luật định là hợp lệ, nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị Thu P trả tiền vay 02 lần bằng 70.000.000 đồng, chị T có cung cấp cho Tòa án 01 Giấy cho mượn tiền (bút lục số 10) thể hiện số tiền bà P mượn 20.000.000 đồng, ngày mượn 01/7/2019, ngày trả 01/9/2019 và 01 Giấy vay tiền (bút lục số 11) lập ngày 16/9/2020, thể hiện số tiền bà P vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả 15 ngày kể từ ngày ký. Hai biên nhận này đều có chữ ký của bà P.

[4] Bà Phùng Thị Thu P thừa nhận có ký tên vào 02 giấy vay mượn tiền như trên, nhưng bà không thừa nhận có vay tiền của chị T. Bà P cho rằng việc bà ký vào 02 giấy vay mượn tiền là do phía chị T ép buộc, uy hiếp, nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai này của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận định lời trình bày của bà P không phù hợp với cách tình tiết khách quan của vụ án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc bà P trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi từ khi đến hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định của pháp luật.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà P có đơn xin miễn án phí (bút lục số 197), gửi kèm theo là Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trợ cấp xã hội đối với người bị khuyết tật nặng (bà Phùng Thị Thu P). Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P thuộc đối tượng được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Từ những nhận định về nội dung vụ án như trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Thu P. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị buộc bà P có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bà P là đúng pháp luật, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Thu P, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc bà Phùng Thị Thu P phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vay vốn gốc 70.000.000 đồng và 15.855.766 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi bằng 85.855.766 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phùng Thị Thu P.

- Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 2.012.500đ (*hai triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0003871 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực